

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 12 năm 2022  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tiến Dũng;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hào;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã T P, huyện T T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Samanova 1292/4, 70030 Ostrava-Zabreh, Cộng hòa Séc.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản bố tụng: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số 32 Đ Q, phường T H, quận C G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Trần Phương T, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã T P, huyện T T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh C, anh Thuần, chị T đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 và tại bản tự khai ngày 08/8/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Trần Phương T đăng ký kết hôn ngày

12/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B G, huyện L T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đến năm 2022, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, tài chính và cách nuôi dạy con cái. Mặc dù hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng không giải quyết được bất đồng. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin ly hôn chị T.

*Về con chung:* Anh C xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 06/9/2014 hiện đang ở cùng chị T. Sau ly hôn anh đề nghị cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng anh và chị T sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh C xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh C đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết ly hôn.

- *Tại bản tại khai ngày 02/12/2022 bị đơn chị Trần Phương T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B G, huyện L T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/9/2013. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là người vợ chị đã cố gắng khắc phục nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Anh C đề nghị ly hôn chị nhất trí ly hôn.

*Về con chung:* Chị T xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 06/9/2014. Sau ly hôn chị nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

*Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị T cũng đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Cháu Nguyễn Quỳnh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, điều 55, điều 81, điều 82, điều 83, điều , điều 123, điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trần Phương T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Trần Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị ly hôn chị Trần Phương T, đơn khởi kiện của Anh C có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc. Chị T có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã T P, huyện T T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh C không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh C và chị T đều có đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh C và chị T là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B G, huyện L T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/9/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, Anh C và chị T sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất hòa trong quan điểm sống. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, tài chính và cách nuôi dạy con cái. Mặc dù hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng không giải quyết được bất đồng. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin ly hôn chị T, chị T cũng có quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh C và chị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh C và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 06/9/2014. Xét thấy: Cháu Đang do chị T chăm sóc và nuôi

dưỡng, cháu Đan có nguyện vọng ở với chị T. Anh C và chị T cũng thỏa thuận giao cháu Đan cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu Đan cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C và chị T thuận tình ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điều 55, điều 81, 82, 83, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trần Phương T.

[2] Giao cho chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 06/9/2014 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Trần Phương T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở Anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn C đã nộp (Do anh Nguyễn Đức Thuận nộp thay) số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000310 ngày 03/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Trần Phương T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã B G, huyện L T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tiến Dũng**